

Bản án số: **25** /2021/DS-ST
Ngày: 29 - 4 - 2021
V/v tranh chấp: “Hợp đồng góp hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH E**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiếu;

Ông Đỗ Tấn Thọ;

- Thư ký phiên Tòa: Ông Võ Thành Trung – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh E.

Ngày 29 tháng 04 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh E xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2021/TLST – DS ngày 28 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp “Hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2021/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1955.

Địa chỉ: ấp Lộc Hòa, xã Lộc Thuận, huyện B, tỉnh E.

- Bị đơn: Bà Bùi Thị Huỳnh V, sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp Lộc Sơn, xã Lộc Thuận, huyện B, tỉnh E.

(Bà V có đơn yêu cầu vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 25/11/2021, biên bản hòa giải ngày 05/3/2021 cũng như trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N1 trình bày:*

Bà có làm chủ và bà Bùi Thị Huỳnh V là hụi viên. Và V tham gia chơi dây hụi khai ngày 19/4/2013(al), hụi mệnh giá 1.000.000 đồng, có 20 phần, mỗi tháng khai một lần, khai vào ngày 19 âm lịch hàng tháng, bà V tham gia chơi 01 phần. Hụi khai được 03 kỳ thì bà V hốt hụi, bà đã giao hụi đầy đủ cho bà V. Sau khi hốt hụi bà V đóng hụi được đến kỳ khai thứ 10 thì ngưng không đóng nữa. Bà phải choàng hụi cho bà V cho đến khi mãn hụi là ngày 19/11/2014 al tổng cộng là 10 kỳ hụi chết với

số tiền là 10.000.000 đồng. Sau đó bà V có trả cho bà được 2.000.000đồng thì không trả nữa. Hiện tại bà V còn nợ bà 8.000.000 đồng.

Nay bà khởi kiện yêu cầu bà V phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền 8.000.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi.

** * Tại biên bản hòa giải ngày 05/3/2021 và bản tự khai ngày 05/3/2021, cũng như trong quá trình xét xử, bị đơn bà Bùi Thị Huỳnh V trình bày:*

Bà thừa nhận có chơi hụi do bà N1 làm chủ dây hụi khai ngày 19/4/2013(al), hụi mệnh giá 1.000.000 đồng. Bà đã hốt hụi xong do kinh tế khó khăn nên bà không đóng nữa. Hiện tại bà còn nợ bà N1 10 kỳ hụi chết. Sau đó bà có trả cho bà N1 được 2.000.000đồng. Hiện tại bà V còn nợ bà 8.000.000 đồng. Bà đồng ý trả bà N1 số tiền 8.000.000đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 200.000đồng cho đến khi hoàn tất nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1]. Bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt và V là phù hợp quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Bà Nguyễn Thị N1 khởi kiện yêu cầu bà Bùi Thị Huỳnh V trả cho chị số tiền nợ hụi là 8.000.000 đồng. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*” theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Theo Giấy xác nhận của Công an xã Lộc Thuận, huyện B, tỉnh E thì bà Bùi Thị Huỳnh V có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện vẫn còn đang sinh sống xã Lộc Thuận, huyện B, tỉnh E. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh E.

- Về nội dung:

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N1 yêu cầu bà Bùi Thị Huỳnh V phải trả số tiền nợ hụi là 8.000.000 đồng. *Hội đồng xét xử xét thấy:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị N1 yêu cầu bà Bùi Thị Huỳnh V phải trả cho bà số tiền nợ hụi là 8.000.000 đồng. Bà V thừa nhận còn nợ bà N1 số tiền này. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận và xem đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Từ cơ sở trên, xác định được bà N1 có làm chủ

hội, bà V có làm hội viên. Trong quá trình chơi, bà N1 đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ chủ hội, nhưng đến khi mãn hội thì bà V không thực hiện hoàn thành nghĩa vụ của hội viên là vi phạm quy định tại Điều 17 và Điều 23 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hội, biểu, phường; nên nay bà N1 khởi kiện yêu cầu bà V trả tiền nợ hội là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Bà N1 không yêu cầu trả lãi suất. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của đương sự và phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

** Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:*

[06]. Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của bà N1 được chấp nhận toàn bộ nên bà V, phải chịu án phí cụ thể:

8.000.000 đồng x 5% = 400.000 đ (Bốn trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 17 và Điều 23 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hội, biểu, phường.

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N1 đối với bà Bùi Thị Huỳnh V về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hội*”.

2. Buộc bà Bùi Thị Huỳnh V phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Nguyễn Thị N1 ý số tiền 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng).

3. Về án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Bùi Thị Huỳnh V phải chịu là 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Nguyễn Thị N1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm ngày), kể từ ngày tuyên án. Đối với bà Bùi Thị Huỳnh V vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm ngày), kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh E (phòng KTNV - THA);
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu Hương